

SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 1980/TM-BVT

V/v: Đề nghị báo giá chi phí thẩm định giá Gói
thầu: Mua Đồ vải, trang phục y tế cho Bệnh
viện đa khoa tỉnh Điện Biên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá

Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu Gói thầu: Mua Đồ vải, trang phục y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đề nghị các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp có đủ năng lực về thẩm định giá báo giá chi phí thẩm định giá Gói thầu: Mua Đồ vải, trang phục y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Nguyễn Minh Tuấn

Chức vụ: Thành viên Tổ chuyên gia đấu thầu

Số điện thoại: 0588274444

Địa chỉ Email: tochuyengiadauthaubvt@gmail.com

3. Cách tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (Tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 21 tháng 11 năm 2025 đến ngày 27 tháng 11 năm 2025

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2025

6. Danh mục đề nghị thẩm định giá: Theo phụ lục đính kèm

7. Báo giá: Theo mẫu đính kèm

Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên kính mời các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp có đủ năng lực về thẩm định giá quan tâm, hợp tác, gửi báo giá chi phí

thẩm định giá gói thầu Mua Đồ vải, trang phục y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐTBV,
- Lưu VT, TCGĐT.



Ts.Bs.Phạm Tiến Biên



PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kèm theo Thư mời báo giá chi phí thẩm định giá số 1980/TM-BVT,
ngày 21/11/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Trang phục Bác sỹ - ngắn tay (gồm cả mũ, khẩu trang).	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau May theo số đo từng người. Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	240
2	Trang phục Bác sỹ - dài tay (gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau; May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	79
3	Trang phục Bác sỹ - ngắn tay, trang phục sơ sinh (gồm cả mũ, khẩu trang).	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-	Bộ	8

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau; May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
4	Trang phục Điều dưỡng- ngắn tay (gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau; May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	460
5	Trang phục Điều dưỡng - dài tay, (gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần có 1 túi sau May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	110
6	Trang phục Điều dưỡng – ngắn tay, trang phục sơ sinh (gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần có 1 túi	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4)	Bộ	18

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		sau May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	- Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
7	Trang phục khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức – ngắn tay (gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh cổ vịt Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim, chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, in logo bệnh viện trên ngực trái. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu xanh cổ vịt - Chất liệu vải: 65.4% ±2 Polyester, 34.6% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 168.5 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ±2 , ngang 270 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.2)- (1.4) ; ngang (-1.2)-(-1.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	92
8	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân- ngắn tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần có 1 túi sau May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	96
9	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân- dài tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ±2 Polyester, 35.4% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m2): 169.3 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ±2, ngang 271 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5	Bộ	20

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
			- Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
10	Trang phục Dược sỹ- ngắn tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% $\pm$ 2 Polyester, 35.4% $\pm$ 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 169.3 $\pm$ 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 $\pm$ 2, ngang 271 $\pm$ 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	52
11	Trang phục Dược sỹ- dài tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% $\pm$ 2 Polyester, 35.4% $\pm$ 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 169.3 $\pm$ 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 $\pm$ 2, ngang 271 $\pm$ 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	11
12	Trang phục hộ sinh- ngắn tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, in logo bệnh viện trên ngực trái, Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% $\pm$ 2 Polyester, 35.4% $\pm$ 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 169.3 $\pm$ 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 $\pm$ 2, ngang 271 $\pm$ 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5	Bộ	33

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
			- Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
13	Trang phục hộ sinh- dài tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, in logo bệnh viện trên ngực trái, Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau May theo số đo từng người Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu trắng - Chất liệu vải: 64.6% ± 2 Polyester, 35.4% ± 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 169.3 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 295 ± 2 , ngang 271 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.2)-(-0.4) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	17
14	Trang phục Hộ lý, Y công- ngắn tay(gồm cả mũ, khẩu trang)	Chất liệu vải Kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh hòa bình Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Quần: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau May theo số đo từng người; Mũ (nón) : Chất liệu như vải áo	Kate for màu xanh hoà bình - Chất liệu vải: 64.8% ± 2 Polyester, 35.2% ± 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 165.5 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 2 , ngang 276 ± 2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	35
15	Trang phục Hành chính- ngắn tay	* Nam: Áo chất liệu vải kate mỹ loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, ngắn tay, có in tên Logo bệnh viện trên tay áo bên phải. - Quần: Chất lượng vải kaki thun loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu đen Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Áo: Kate Ý màu trắng - Chất liệu vải: 47.2% ± 2 Polyester, 52.8% ± 2 Rayon - Khối lượng vải (g/m ²): 129.1 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 604 ± 2 , ngang 352 ± 2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện. Quần: Kaki màu đen - Chất liệu vải: 66.4% ± 2 Polyester, 29.5% ± 2 Rayon ,	Bộ	89

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		* Nữ: Áo chất liệu vải kate mỹ loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay, có in tên Logo bệnh viện trên tay áo bên phải. – Quần: Chất lượng vải kaki thun loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu đen Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo.	Spandex 4.1% ± 2 - Khối lượng vải (g/m²): 273.3 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 720 ± 2, ngang 350 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-0.4)-(-0.6), ngang (-0.6)-(-0.9) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
16	Trang phục Hành chính- dài tay	* Nam: Áo chất liệu vải kate mỹ loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Thành phần Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, có in tên Logo bệnh viện trên tay áo bên phải. - Quần: Chất lượng vải kaki thun loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu đen Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. * Nữ: Áo chất liệu vải kate mỹ loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay, có in tên Logo bệnh viện trên tay áo bên phải. – Quần: Chất lượng vải kaki thun loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu đen Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo.	Áo: Kate Ý màu trắng - Chất liệu vải: 47.2% ± 2 Polyester, 52.8% ± 2 Rayon - Khối lượng vải (g/m²): 129.1 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 604 ± 2, ngang 352 ± 2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện. Quần: Kaki màu đen - Chất liệu vải: 66.4% ± 2 Polyester, 29.5% ± 2 Rayon , Spandex 4.1% ± 2 - Khối lượng vải (g/m²): 273.3 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 720 ± 2, ngang 350 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-0.4)-(-0.6), ngang (-0.6)-(-0.9) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	85
17	Trang phục Kỹ thuật viên thiết bị Y tế; lái xe; điện nước - ngắn	Áo: Chất liệu vải kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh đen - Quần: Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương	Kate for màu xanh đen - Chất liệu vải: 66.8% ± 2 Polyester, 33.2% ± 2 Cotton	Bộ	14

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
	tay	đương Màu sắc: màu xanh đen Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Quần: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau May theo số đo từng người	- Khối lượng vải (g/m ²): 165.1 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ±2, ngang 280 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5) - (-0.7) ; ngang (-0.4)- (-0.6) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
18	Trang phục Kỹ thuật viên thiết bị Y tế; lái xe; điện nước - dài tay	Áo: Chất liệu vải kate loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh đen - Quần: Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh đen Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có in tên Logo bệnh viện trên ngực trái. Quần: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau May theo số đo từng người	Kate for màu xanh đen - Chất liệu vải: 66.8% ±2 Polyester, 33.2% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 165.1 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ±2, ngang 280 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.5) - (-0.7) ; ngang (-0.4)- (-0.6) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Bộ	15
19	Áo choàng mổ	Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh cổ vịt Áo choàng dài tay 55cm, cổ liền khâu trang, thân trước liền, thân sau mở buộc dây, cổ tau 3cm, dài áo 1,24 m, bo chun tay 6cm, phía trước ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN –2025 (hình vòng cung ngực trái) May theo số đo từng người	Kaki màu xanh cổ vịt - Chất liệu vải: 64.3%±2 Polyester, 35.7% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 151.8 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±2, ngang 228 ±2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Cái	200
20	Săng mổ KT 2m x1,5 m	Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh cổ vịt Kích thước: 2m x1,5 m; ít nhăn dễ giặt sạch, thấm máu, đường may viền 4 xung quanh chắc	Kaki màu xanh cổ vịt - Chất liệu vải: 64.3%±2 Polyester, 35.7% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 151.8 ±2	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		chấn, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	- Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±2, ngang 228 ±2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.		
21	Săng KT 0.4m x 0.4m	Chất liệu vải thô hoặc tương đương Màu sắc: màu trắng Kích thước: 0,4m x 0,4m; May viền 4 xung quanh (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Thô màu trắng - Chất liệu vải: 89.1% ±2 Polyester, 10.9% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 176.6 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 300 ±2, ngang 236 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)- (-0.4) ; ngang (-0.1)- (-0.3) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ bền màu với chất tẩy : Naclo (cấp): 4-5	Cái	200
22	Bọc hai lớp KT: 1.2m x 1.2m	Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh cổ vịt Kích thước: 1,2m x 1,2m; May viền 4 xung quanh (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Kaki màu xanh cổ vịt - Chất liệu vải: 64.3%±2 Polyester, 35.7% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 151.8 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±2, ngang 228 ±2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Cái	100
23	Bọc hai lớp KT: 0.6m x 0.6m	Chất liệu vải kaki loại 1 hoặc tương đương Màu sắc: màu xanh cổ vịt Kích thước: 0,6m x 0,6m; May viền 4 xung quanh (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Kaki màu xanh cổ vịt - Chất liệu vải: 64.3%±2 Polyester, 35.7% ±2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 151.8 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±2, ngang 228 ±2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
24	Ga xanh KT: 2.5m x 1.5m	Chất liệu vải thô, xi Màu sắc: màu xanh kết Kích thước: 2.5m x 1.5m; In chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 ga)	Vải Thô màu xanh kết - Chất liệu vải: 87% ±2 Polyester, 13% ±2 Cotton .	Cái	300
25	Bộ quần áo người bệnh số 1	Chất liệu vải kate sọc Màu sắc: màu xanh kẻ sọc - Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, dài áo 72 cm, phía trước trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2025 (hình vòng cung) -Quần luồn chun, không may chun cổ định, dài quần 97, in cách cặp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2025 (hình vòng cung)	Kate sọc xanh trắng - Chất liệu vải: 66.7% ±2 Polyester, 33.3% ±2 Rayon - Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±2, ngang 308 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.0)-(-1.1) ; ngang (-0.1)-(-0.2) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±2 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang : 1063/Z ±2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng : 80.3/2 (Ne) ±2 Dọc xanh: 149.8 (D) ±2 Ngang: 96.5/2(Ne) ±2 - Hàm lượng formaldehyde : không phát hiện.	Bộ	300
26	Bộ quần áo người bệnh số 2	Chất liệu vải kate sọc Màu sắc: màu xanh kẻ sọc - Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, phía trước trên ngực trái, dài áo 68 cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2025 (hình vòng cung)	Kate sọc xanh trắng - Chất liệu vải: 66.7% ±2 Polyester, 33.3% ±2 Rayon - Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±2, ngang 308 ±2	Bộ	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hóa	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Quần luôn chun, không may chun cố định, dài quần 89, in cách cạp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2025 (hình vòng cung)	- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.0)-(-1.1) ; ngang (-0.1)-(-0.2) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ± 2 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang : 1063/Z ± 2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng : 80.3/2 (Ne) ± 2 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 2 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 2 - Hàm lượng formaldehyde : không phát hiện.		
27	Áo sân phụ KT: 75cm x 80cm	Chất liệu vải kate sọc Màu sắc: màu xanh kẻ sọc Áo: dài 75cm, rộng 80cm cổ tròn, cài cúc giữa dài tay, dáng suông, phía trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2025 (hình vòng cung)	Kate sọc xanh trắng - Chất liệu vải: 66.7% ± 2 Polyester, 33.3% ± 2 Rayon - Khối lượng vải (g/m ²): 132.9 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 2 , ngang 308 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.0)-(-1.1) ; ngang (-0.1)-(-0.2) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ± 2 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang : 1063/Z ± 2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng : 80.3/2 (Ne) ± 2	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
			Dọc xanh: 149.8 (D) ± 2 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 2 - Hàm lượng formaldehyde : không phát hiện.		
28	Váy sản phụ KT: 85cm x 88cm	Chất liệu vải kate sọc Màu sắc: màu xanh kẻ sọc Váy: dài 85cm, rộng 88cm, dáng suông, dây rút, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2025 (hình vòng cung) cách cạp váy 10 cm	Kate sọc xanh trắng - Chất liệu vải: 66.7% ± 2 Polyester, 33.3% ± 2 Rayon - Khối lượng vải (g/m ²): 132.9 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 2 , ngang 308 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.0)-(-1.1) ; ngang (-0.1)-(-0.2) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ± 2 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang : 1063/Z ± 2 - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng : 80.3/2 (Ne) ± 2 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 2 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 2 - Hàm lượng formaldehyde : không phát hiện.	Cái	50
	Màn tuyn cá nhân	Chất liệu PE ; Màu trắng, Dài 2 m, rộng 1m x 1.8 m, đỉnh màn viền màu xanh theo chiều rộng.	Chất liệu PE ; Màu trắng, Dài 2 m, rộng 1m x 1.8 m	Cái	400
29	Vỏ gối KT: 65cm x 47cm	Chất liệu vải thô Kích thước: 65cm x 47cm; Vỏ gối may viền 4 cạnh, trần 1 đường xung quanh; in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2025	Vải Thô màu trắng - Chất liệu vải: 89.1% ± 2 Polyester, 10.9% ± 2 Cotton - Khối lượng vải (g/m ²): 176.6 ± 2	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Thông số kỹ thuật vải	Đơn vị tính	Khối lượng
		(hình vòng cung, điểm giữa 1/3 gôi)	- Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 300 ±2, ngang 236 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2)-(-0.4) ; ngang (-0.1)- (-0.3) - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Độ bền màu với chất tẩy : Naclo (cấp): 4-5		
30	Ruột gôi KT: 60cm x 42cm	Ruột gôi trần bông hạt PE mới 100% không thấm nước, giặt không vón cục Kích thước: 60cm x 42cm; màu trắng		Cái	300
31	Chăn bông KT: 180cm x 200cm	Vỏ chăn chất liệu cotton ; Chăn trần bông không thấm nước, giặt không vón cục, không xù, may trần chắc chắn;		Cái	100

PHỤ LỤC

(kèm theo Thư mời số /BVT-TCHC ngày tháng 9 năm 2025)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Địa chỉ Email (nếu có):

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

[Tên đơn vị thẩm định giá] xin gửi tới bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lời chào trân trọng.

[Tên đơn vị thẩm định giá] Là nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực

Chúng tôi được biết quý Cơ quan đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu [tên gói thầu] Tên đơn vị thẩm định giá [ghi tên địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] nhận thấy có đủ khả năng hoàn thành tốt công tác thẩm định giá cho gói thầu nêu trên vì vậy chúng tôi xin gửi tới quý bệnh viện báo giá (gửi kèm các tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu, bảng dự toán chi tiết) chi tiết như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
...						
	Cộng:					
	Thuế giá trị gia tăng%					
	Tổng cộng:					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày..... tháng năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))